TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:….. /2024/KDTM-PT
Ngày: 19/01/2024
V/v: tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Linh

Các Thẩm phán: Ông Bùi Đức Bằng

Bà Phạm Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Dương – là thư ký Toà án nhân dân Thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 19/01/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 260/2023/TLPT-KDTM ngày 06/12/2023 về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 81/2023/KDTM-ST ngày 19/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội bị kháng cáo theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 874/2023/QĐ-PT ngày 26/12/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần Đ1

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Đắc C, Giám đốc – có mặt.

Bị đơn: Công ty cổ phần S

Địa chỉ: Thôn N, xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân K, Giám đốc – có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị Đ - sinh năm 1973; vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Đ, thành phố Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Công ty cổ phần Đ1 (sau đây gọi tắt là "Công ty Đ1") và Công ty cổ phần S (sau đây gọi tắt là "Công ty S") có ký 14 Hợp đồng vay tiền với nội dung cụ thể như sau: Ngày 28/01/2008: Số tiền vay 120.000.000 đồng; Ngày 06/02/2008: Số tiền vay 200.000.000 đồng; Ngày 17/02/2008: Số tiền vay 200.000.000 đồng; Ngày 26/02/2008: Số tiền vay 300.000.000 đồng; Ngày 01/4/2008: Số tiền vay 50.000.000 đồng ;Ngày 06/3/2008: Số tiền vay 300.000.000 đồng; Ngày 13/3/2008: Số tiền vay 300.000.000 đồng; Ngày 14/3/2008: Số tiền vay:150.000.000 đồng; Ngày 16/3/2008: Số tiền vay: 30.000.000 đồng; Ngày 17/3/2008: Số tiền vay:100.000.000 đồng;Ngày 04/4/2008: Số tiền vay 400.000.000 đồng; Ngày 09/4/2008: Số tiền vay 50.000.000 đồng; Ngày 23/5/2008: Số tiền vay 1.000.000.000 đồng; Ngày 23/6/2008: Số tiền vay 1.050.000.000 đồng.

Ngoài ra, ngày 27/12/2009, ông Nguyễn Xuân K (Giám đốc Công ty S) vay của Công ty Đ1 751.000.000đồng nhưng không viết giấy vay do ông Ngô Đắc C (Giám đốc Công ty Đ1) tin tưởng ông K.

Như vây, tổng số tiền Công ty S vay của Công ty Đ1 là 5.001.000.000 đồng *(Năm tỷ không trăm linh một triệu đồng)* đối với 14 Hợp đồng vay tiền nêu trên và lần vay ngày 27/12/2009 (không ghi giấy). Lãi suất không quy định cụ thể trong từng Hợp đồng nhưng hai Công ty tự thỏa thuận với nhau là 1000 đồng/01 triệu/ngày. Công ty S đã trả 1.005.000.000 đồng tiền gốc và một phần tiền lãi trong thời gian đầu nhưng hai bên không có giấy tờ gì ghi nhận.

Ngày 22/01/2010, Công ty Đ1 và Công ty S chốt lại số tiền nợ gốc là 3.996.000.000 đồng *(Ba tỷ chín trăm chín mươi sau triệu đồng)*. Kể từ ngày 22/01/2010 cho đến nay, Công ty S chưa thanh toán bất kỳ khoản nợgốc và lãi nào cho Công ty Đ1.

Đối với tờ giấy do ông K giao nộp cho Tòa án (tại bút lục 56) có ghi: *"Anh K: Chốt sổ ngày…"* do ông K nhờ bà Đ viết để về thanh toán với ông Lương Quý P (là Giám đốc Công ty Đ2), không có giá trị xác định số tiền vay còn lại của Công ty S đối với Công ty Đ1.

Về yêu cầu khởi kiện: Công ty Đ1 yêu cầu Công ty S trả 3.996.000.000đồng nợ gốc và lãi phát sinh từ ngày 20/01/2010 đến ngày 05/9/2023 theo mức lãi suất 8%/năm x 150%.

Tại phiên toà sơ thẩm:Công ty Đ1 xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Công ty S thanh toán lãi đối với Bị đơn.

Bị đơn trình bày:

Tháng 01/2008, ông Lương Quý P là Giám đốc Công ty Đ2 đang cần tiền để đầu tư khai thác mỏ đồng ở Lào Cai. Ông C cũng muốn đầu tư tiền vào khai thác mỏ nhưng không muốn cho ông P vay trực tiếp mà cho vay thông qua Công ty S của ông K. Từ tháng 01/2008 đến tháng 4/2008,Công ty Đ1 và Công ty S có ký các Hợp đồng vay tiền, sau đó, chốt lại ở 02 Hợp đồng vay tiền ngày 23/5/2008 và Hợp đồng vay tiền ngày 23/6/2008 với tổng số tiền vay là 2.050.000.000 đồng *(Hai tỷ không trăm năm mươi triệu đồng)*. Ông K không xác nhận việc Công ty Đ1 cho Công ty S vay 751.000.000đồng (ngày 27/12/2009) như ông C trình bày.

Các Hợp đồng vay tiền không đề cập đến tiền lãi suất cho vay, vì thực tế, ông C đầu tư tiền cho ông P để cùng hưởng lợi ích từ việc đầu tư khai thác mỏ. Công ty S đã trả tiền lãi theo như xác nhận của ông C hoặc bà Đ, không có việc vợ chồng ông C ký xác nhận để thanh toán với ông P như ông C trình bày. Hợp đồng vay tiền ngày 22/01/2010 ghi Công ty S vay số tiền là 3.996.000.000đồng nhưng thực tế trong đó đã có 3.321.000.000đồng là tiền lãi cao, số tiền nợ gốc đã chốt chỉ còn là 2.050.000.000đồng. Công ty S đã thanh toán 1.448.000.000đồng, chỉ còn nợ 602.000.000đồng.

Bên cạnh đó, ngày 22/01/2010, ông K yêu cầu vợ chồng ông C phải diễn giải số tiền vay nên bà Đ đã tự tính toán và viết vào tờ giấy (tại bút lục 56) bắt đầu bằng dòng chữ: *"Anh K: Chốt sổ ngày…."*.Tuy nhiên, bà Đ và ông C không ký xác nhận vào tờ giấy nêu trên.

Nay Công ty S xác định chỉ có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Đ1 số tiền gốc là 602.000.000đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 22/01/2010 đến nay theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Lê Thị Đ trình bày: Bà là vợ của ông Ngô Đắc C. Trong năm 2008 Công ty S đã nhiều lần vay tiền của Công ty Đ1. Bà xác nhận có viết vào tờ giấy *"Anh K: Chốt sổ ngày 26/6/08 (tức ngày 23/5/08 ÂL)…."* Do ông K nhờ bà viết để ông K tính toán với ông P. Số tiền được ghi còn nợ 3.996.000 đồng trùng khớp với số tiền Công ty S vay tiền của công ty Đ1. Công ty Đ1 không tính lãi như đã viết trong giấy này.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩmsố 81/2023/KDTM-ST ngày 19/9/2023, Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội quyết định:

1. Đình chỉ xét xử yêu cầu tính lãi suất của Công ty Đ1 đối với Công ty S.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Đ1,

3. Buộc Công ty S phải trả cho Công ty Đ1 tổng số tiền 3.245.000.000đ *(Ba tỷ hai trăm bốn mươi lăm triệu đồng).*

Ngoài ra, bản án còn quyết định về lãi suất chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 03/10/2023, Công ty cổ phần S kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết lại. Bị đơn xác định có trách nhiệm trả cho Nguyên đơn số tiền còn nợ là 602.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Bị đơn chỉ xác nhận vay nguyên đơn số tiền 2.050.000.000đ, đã trả 1.448.000.000đ. Chỉ còn nợ 602.000.000đ.

Về số tiền vay cấp sơ thẩm nhận định số tiền cộng lại từ các giấy vay tiền là 4.250.000.000đ. Số tiền 751.000.000d đại diện Công ty S không công nhận. Nguyên đơn không có tài liệu nào để chứng minh về việc bị đơn vay số tiền này nên không có căn cứ chấp nhận.

Do đại diện Công ty Đ1 xác định Công ty S đã trả 1.005.000.000đ. Tuy nhiên căn cứ theo tài liệu do Côn ty Tiến A xuất trình về số tiền lãi và nợ gốc trả mà bà Lê Thị Đ vợ ông K (giám đốc Công ty S) đã ký nhận thì có đủ cơ sở xác định Công ty S đã trả cho Công ty Đ1 số tiền là 1.182.660.000 đồng nên khấu trừ đi nợ thì chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty S.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội:

- Sửa án sơ thẩm, buộc bị đơn phải trả nguyên đơn số tiền 3.067.340.000 đồng.

- Về án phí phúc thẩm: Bị đơn không phải chịu phí kinh doanh thương mại phúc thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, cứng cứđã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

Công ty cổ phần Đ1 (viết tắt là công ty Đ1) được phòng Đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và đầu tư thành phố H cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 23/7/2007 với nhiều ngành nghề kinh doanh trong đó có ngành nghề kinh doanh dịch vụ cầm đồ là loại hình kinh doanh dịch vụ cho vay vốn thông qua việc cung cấp các khoản vay được bảo đảm bằng cầm cố tài sản.

Trong thời gian từ tháng 1/2008 đến tháng 6/2008 Công ty Đ1 ký hợp đồng cho Công ty cổ phần S (viết tắt là công ty S) vay tiền. Cụ thể như sau:

Hợp đồng vay ngày	Thời gian vay	Số tiền vay/đồng
28/1/2008	28/1 – 28/4/2008	120.000.000
6/2/2008	6/2-6/5/2008	200.000.000
17/2/2008	17/2-17/5/2008	200.000.000
26/2/2008	26/2-26/5/2008	300.000.000
7/3/2008	7/3-6/6/2008	300.000.000
13/3/2008	13/3-13/6/2008	300.000.000

14/3/2008	14/3-14/6/2008	150.000.000
16/3/2008	(ghi tại mặt sau BL 83)	30.000.000
17/3/2008	17/3-17/6/2008	100.000.000
1/4/2008	1/4-1/7/2008	50.000.000
4/4/2008	4/4-4/7/2008	400.000.000
9/4/2008	9/4-9/7/2008	50.000.000
23/5/2008	23/5-23/8/2008	1.000.000.000
23/6/2008	23/6-23/8/2008	1.050.000.000
Cộng		**4.250.000.000**

Hợp đồng vay tiền đều được Giám đốc hai bên ký xác nhận. Công ty Đ1 có chức năng cho vay tiền được thể hiện tại Đăng ký kinh doanh dịch vụ cầm đồ. Do đó Hợp đồng vay tiền giữa Công ty S và Công ty Đ1 là sự tự nguyện thoả thuận của các bên, không trái quy định của pháp luật. Trên hợp đồng không thể hiện lãi suất cho vay.

Theo tài liệu do bị đơn xuất trình, bị đơn có thanh toán tiền gốc, lãi cho nguyên đơn. Việc nhận tiền do bà Lê Thị Đ (vợ ông Ngô Đắc C nhận tại giấy viết tay ghi *phần thanh toán lãi* (BL 73) hoặc ông Ngô Đắc C – Giám đốc Công ty Đ1 nhận tại Giấy viết tay ghi *Giấy vay tiền* (BL 72). Cụ thể:

Ngày 28/2/2008: 11.160.000 đồng

Ngày 6/3/2008: 18.000.000 đồng

Ngày 17/3/2008: 18.000.000 đồng

Ngày 26/3/2008: 27.000.000 đồng

Ngày 6/4/2008: 27.000.000 đồng

Ngày 17/4/2008: 40.500.000 đồng

Ngày 22/4/2008: 36.000.000 đồng

Ngày 30/8/2008: 20.000.000 đồng

Ngày 26/9/2008: 15.000.000 đồng

Ngày 12/11/2008: 120.000.000 đồng

Ngày 2/12/2008: 100.000.000 đồng

Ngày 27/12/2008: 300.000.000 đồng

Ngày 4/4/2009: 350.000.000 đồng

Ngày 18/5/2009: 100.000.000 đồng

Tổng cộng: 1.182.660.000 đồng

Đối với số tiền vay ngày 16/3/2008 không có hợp đồng nhưng tại phiên toà phúc thẩm ông Nguyễn Xuân K – Giám đốc công ty S thừa nhận nội dung và chữ ký ghi bằng bút đỏ tại mặt sau của BL83. Đó là: *"Ngày 16/3/2008 anh K có vay lại số tiền 30.000.000 đồng"*. Do đó tổng số tiền vay theo hợp đồng được các bên ký nhận 14 hợp đồng với tổng số tiền 4.250.000.000 đồng.

Công ty S kháng cáo cho rằng công ty chỉ vay tiền của công ty Đ1 từ tháng 1 đến tháng 4/2008 với số tiền 2.050.000.000 đồng được các bên ký vào hợp đồng vay tiền. Sau đó hai bên chốt lại số tiền vay được xác định bằng hợp đồng vay tiền ký ngày 23/5/2008.

Tuy nhiên theo các hợp đồng vay do nguyên đơn cung cấp, từ tháng 1 đến tháng 6 năm 2008, hai bên ký tổng cộng 14 hợp đồng vay tiền. Tại hợp đồng vay ngày 23/5/2008 không thoả thuận đây là số tiền chốt của các hợp đồng trước đó cộng lại và bị đơn cũng không có tài liệu nào để chứng minh 12 hợp đồng vay tiền từ tháng 1 đến tháng 4 năm 2008 đã được chuyển sang hợp đồng ngày 23/5/2008.

Đối với số tiền đã trả: Bị đơn có kê khai các khoản tiền trả cho nguyên đơn tổng cộng 1.445.000.000 đồng. Tuy nhiên căn cứ vào xác nhận có chữ ký của bà Đ trên tờ giấy ghi phần thanh toán lãi và chữ ký của ông C trên tờ giấy ghi giấy vay tiền, tổng số tiền bị đơn đã trả là 1.182.600.000 đồng. Do đó việc đối trừ số tiền đã trả trên cơ sở các chứng cứ đã được bà Đ hoặc ông C ký xác nhận.

Công ty S không xuất trình được tài liệu về việc thanh toán nào khác. Vì vậy số tiền bị đơn còn phải thanh toán:

4.250.000.000 đồng – 1.182.660.000 đồng = 3.067.340.000 đồng.

Bản án sơ thẩm chấp nhận số tiền bị đơn phải trả số tiền 3.245.000.000 đồng là chưa chính xác với số liệu các đương sự đã xuất trình nên cần sửa bản án KDTM sơ thẩm.

Do kháng cáo của bị đơn được chấp nhận một phần nên người kháng cáo không phải chịu án phí KDTM phúc thẩm.

Từ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điều 471,473,474,478 Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ khoản 1 điều 30, 148, 296, 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ điều 27, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội;

Xử: Sửa bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 81/2023/KDTM-ST ngày 19/09/2023.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty cổ phần cổ phần Sản xuất và Dịch vụ Thương mại Tiến Anh

2. Buộc Công ty cổ phần S phải trả Công ty cổ phần Đ1 số tiền nợ 3.067.340.000 đồng theo 14 hợp đồng vay tiền đã ký từ 28/01/2008 đến 23/6/2008.

3. Đình chỉ yêu cầu thanh toán lãi suất của Công ty cổ phần Đ1 đối với Công ty cổ phần S.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Công ty cổ phần S phải chịu 93.346.800 đồng và không phải chịu án phí KDTM phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 2.000.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2021/0007267 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. Công ty cổ phần S còn phải nộp 91.346.800 đồng.

Hoàn trả Công ty cổ phần Đ1 số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 55.960.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2020/0047479 ngày 13/02/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có Hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSND Thành phố Hà Nội;*
- *TAND huyện Đông Anh;*
- *VKSND huyện Đông Anh;*
- *Cục THADS TP Hà Nội;*
- *Chi cục THADS huyện Đông Anh*
- *Đương sự;*
- *Lưu HS, VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thuý Linh